

**CÔNG TY CP NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG PHÍA NAM**

VP Đại Diện: 135 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P.17, Q. Bình Thạnh, TP HCM

ĐT: (028) 6253 5666 - Fax: (028) 6258 8887

Nhà máy: Lô C2, Khu CN Đồng An II, P. Hoà Phú, TP. TDM, Bình Dương

ĐT : (0274) 358 9544 - Fax: (0274) 358 9527

**BẢNG GIÁ ỐNG NHỰA PP-R 2 LỚP
CHỐNG TIA CỰC TÍM (UV)**

Tiêu chuẩn DIN 8078

Hiệu lực từ ngày 24/03/2021 đến khi có thông báo sửa đổi



Sản Phẩm	PN			PN			PN			
	10 bar			16 bar			20 bar			
	Dày	Chưa VAT	Thanh toán	Dày	Chưa VAT	Thanh toán	Dày	Chưa VAT	Thanh toán	
DN ĐK danh nghĩa	mm	đồng/mét		mm	đồng/mét		mm	đồng/mét		
1	20	2.3	28,091	30,900	2.8	31,182	34,300	3.4	34,727	38,200
2	25	2.8	50,000	55,000	3.5	57,636	63,400	4.2	60,818	66,900
3	32	2.9	64,909	71,400	4.4	78,000	85,800	5.4	89,545	98,500
4	40	3.7	87,000	95,700	5.5	105,636	116,200	6.7	138,636	152,500
5	50	4.6	127,636	140,400	6.9	168,000	184,800	8.3	215,364	236,900
6	63	5.8	202,818	223,100	8.6	264,000	290,400	10.5	339,636	373,600



**CÔNG TY CP NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG PHÍA NAM**

VP Đại Diện: 135 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P.17, Q. Bình Thạnh, TP HCM

ĐT: (028) 6253 5666 - Fax: (028) 6258 8887

Nhà máy: Lô C2, Khu CN Đồng An II, P. Hoà Phú, TP. TDM, Bình Dương

ĐT : (0274) 358 9544 - Fax: (0274) 358 9527

**BẢNG GIÁ PHỤ KIỆN ỚNG NHỰA PP-R 2 LỚP
CHỐNG TIA CỰC TÍM (UV)**

Tiêu chuẩn DIN 8078

Hiệu lực từ ngày 24/03/2021 đến khi có thông báo sửa đổi

STT	Sản Phẩm	PN	Nối thẳng		Lợi (Nối góc 45°)		Co (Nối góc 90°)		Tê (Ba chạc 90°)		Ống tránh	
	DN ĐK danh nghĩa		Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán
			bar	đồng/cái		đồng/cái		đồng/cái		đồng/cái		đồng/cái
1	20	20.0	3,727	4,100	5,818	6,400	7,000	7,700	8,182	9,000	18,000	19,800
2	25	20.0	6,182	6,800	9,182	10,100	9,182	10,100	12,636	13,900	33,636	37,000
3	32	20.0	9,636	10,600	13,909	15,300	16,182	17,800	20,818	22,900		
4	40	20.0	15,364	16,900	27,727	30,500	26,364	29,000	32,364	35,600		
5	50	20.0	27,636	30,400	52,909	58,200	46,273	50,900	63,636	70,000		
6	63	20.0	55,182	60,700	121,182	133,300	141,818	156,000	159,636	175,600		
STT	Sản Phẩm	PN	Đầu bịt ngoài		Đầu nối bằng bích		Van chặn		Van cửa			
	DN ĐK danh nghĩa		Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán		
			bar	đồng/cái		đồng/cái		đồng/cái		đồng/cái		
7	20	20.0	3,545	3,900			178,818	196,700	240,000	264,000		
8	25	20.0	6,000	6,600			242,364	266,600	276,000	303,600		
9	32	20.0	7,818	8,600			279,636	307,600	396,000	435,600		
10	40	20.0	11,818	13,000			433,182	476,500	666,636	733,300		
11	50	20.0	22,182	24,400	216,000	237,600	738,000	811,800	1,039,545	1,143,500		
12	63	20.0	108,000	118,800	267,273	294,000			1,601,818	1,762,000		

310082
 CÔNG
 PHÂN
 HIỆU
 I
 IÊN PH
 PHÍA N
 ẬU MỘT

**CÔNG TY CP NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG PHÍA NAM**

VP Đại Diện: 135 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P.17, Q. Bình Thạnh, TP HCM

ĐT: (028) 6253 5666 - Fax: (028) 6258 8887

Nhà máy: Lô C2, Khu CN Đồng An II, P. Hoà Phú, TP. TDM, Bình Dương

ĐT : (0274) 358 9544 - Fax: (0274) 358 9527

**BẢNG GIÁ PHỤ KIỆN ỚNG NHỰA PP-R 2 LỚP
CHỐNG TIA CỰC TÍM (UV)**

Tiêu chuẩn DIN 8078

Hiệu lực từ ngày 24/03/2021 đến khi có thông báo sửa đổi

STT	Sản Phẩm	PN	Nối chuyển bậc (Nối giảm)		Tê chuyển bậc (Ba chạc 90° chuyển bậc)		STT	Sản Phẩm	PN	Nối chuyển bậc (Nối giảm)		Tê chuyển bậc (Ba chạc 90° chuyển bậc)	
	DN ĐK danh nghĩa		Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán				Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán
			bar	đồng/cái		đồng/cái				bar	đồng/cái		đồng/cái
13	25-20	20.0	5,818	6,400	12,636	13,900	20	50-25	20.0	22,727	25,000	85,818	94,400
14	32-20	20.0	8,182	9,000	22,182	24,400	21	50-32	20.0	22,727	25,000	85,818	94,400
15	32-25	20.0	8,182	9,000	22,182	24,400	22	50-40	20.0	22,727	25,000	85,818	94,400
16	40-20	20.0	12,636	13,900	48,818	53,700	23	63-25	20.0	43,909	48,300	150,818	165,900
17	40-25	20.0	12,636	13,900	48,818	53,700	24	63-32	20.0	43,909	48,300	150,818	165,900
18	40-32	20.0	12,636	13,900	48,818	53,700	25	63-40	20.0	43,909	48,300	150,818	165,900
19	50-20	20.0	22,727	25,000	85,818	94,400	26	63-50	20.0	43,909	48,300	150,818	165,900

9126-G
TY NHỰA
THIẾU NIÊN
TIỀN PHONG
AM
T BÌNH DƯƠNG

ua



CÔNG TY CP NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG PHÍA NAM
 VP Đại Diện: 135 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P.17, Q. Bình Thạnh, TP HCM
 ĐT: (028) 6253 5666 - Fax: (028) 6258 8887
 Nhà máy: Lô C2, Khu CN Đồng An II, P. Hoà Phú, TP. TDM, Bình Dương
 ĐT : (0274) 358 9544 - Fax: (0274) 358 9527

**BẢNG GIÁ PHỤ KIỆN ỚNG NHỰA PP-R 2 LỚP
 CHỐNG TIA CỰC TÍM (UV)**
 Tiêu chuẩn DIN 8078
 Hiệu lực từ ngày 24/03/2021 đến khi có thông báo sửa đổi

STT	Sản Phẩm	PN	Nối thẳng ren trong		Nối thẳng ren ngoài		Co ren trong (Nối góc 90° ren trong)		Co ren ngoài (Nối góc 90° ren ngoài)		Co ren trong kẹp (Nối góc 90° ren trong kẹp)	
			Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán
	DN ĐK danh nghĩa		bar	đồng/cái		đồng/cái		đồng/cái		đồng/cái		đồng/cái
27	20-1/2"	20.0	45,636	50,200	57,636	63,400	50,818	55,900	71,364	78,500		
28	25-1/2"	20.0	55,818	61,400	66,636	73,300	57,636	63,400	80,818	88,900	128,182	141,000
29	25-3/4"	20.0	62,273	68,500	80,364	88,400	77,636	85,400	95,364	104,900		
30	32-1"	20.0	101,364	111,500	118,818	130,700	143,364	157,700	151,909	167,100		
31	40-1.1/4"	20.0	251,364	276,500	345,636	380,200						
32	50-1.1/2"	20.0	333,636	367,000	432,000	475,200						
33	63-2"	20.0	675,000	742,500	732,000	805,200						

STT	Sản Phẩm	PN	Tê ren trong (Ba chạc 90° ren trong)		Tê ren ngoài (Ba chạc 90° ren ngoài)		Zắc co ren trong (Đầu nối ống)		Zắc co ren ngoài (Đầu nối ống)		Zắc co nhựa (Đầu nối ống)	
			Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán
	DN ĐK danh nghĩa		bar	đồng/cái		đồng/cái		đồng/cái		đồng/cái		đồng/cái
34	20-1/2"	20.0	51,091	56,200	63,000	69,300	108,636	119,500	115,818	127,400		
35	20										45,636	50,200
36	25-1/2"	20.0	54,727	60,200	68,364	75,200						
37	25										67,182	73,900
38	25-3/4"	20.0	79,818	87,800	82,818	91,100	174,000	191,400	180,636	198,700		
39	32										96,636	106,300
40	32-1"	20.0	174,182	191,600	174,000	191,400	255,000	280,500	283,818	312,200		
41	40										111,000	122,100
42	40-1.1/4"	20.0					399,636	439,600	421,182	463,300		
43	50	20.0									166,818	183,500
44	50-1.1/2"	20.0							743,364	817,700		
45	63	20.0									386,364	425,000
46	63-2"	20.0							1,005,636	1,106,200		